

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nhà máy chế biến gỗ công suất 16.000 m³/năm; bổ sung dây chuyền sản xuất gỗ ghép công suất 30.000 m³/năm; dây chuyền sản xuất bán thành phẩm trang trí nội thất công suất 50.000 sản phẩm/năm” do Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Gỗ Trường Xuân làm Chủ đầu tư tại lô 52, 53, cụm B2, KCN Đồng Xoài III, xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

CHỦ TỊCH UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nhà máy chế biến gỗ công suất 16.000 m³/năm; bổ sung dây chuyền sản xuất gỗ ghép công suất 30.000 m³/năm; dây chuyền sản xuất bán thành phẩm trang trí nội thất công suất 50.000 sản phẩm/năm” họp ngày 01/11/2021 tại Hội trường Ban Quản lý Khu kinh tế;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nhà máy chế biến gỗ công suất 16.000 m³/năm; bổ sung dây chuyền sản xuất gỗ ghép công suất 30.000 m³/năm; dây chuyền sản xuất bán thành phẩm trang trí nội thất công suất 50.000 sản phẩm/năm” đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm các Văn bản: số 210722/2022CV ngày 21/7/2022; số 210922/CVGT ngày 21/9/2022 và số 210922/CV ngày 21/9/2022 của Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Gỗ Trường Xuân;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế tại Tờ trình số 39/TTr-BQL ngày 30/9/2022.



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nhà máy chế biến gỗ công suất 16.000 m³/năm; bổ sung dây chuyền sản xuất gỗ ghép công suất 30.000 m³/năm; dây chuyền sản xuất bán thành phẩm trang trí nội thất công suất 50.000 sản phẩm/năm” (sau đây gọi là Dự án) do Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Gỗ Trường Xuân làm Chủ đầu tư tại lô 52, 53, cụm B2, KCN Đồng Xoài III, xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật (trừ trường hợp được miễn tham vấn).

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này và các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Quyết định này thay thế Quyết định số 985/QĐ-UBND ngày 07/5/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Mở rộng, nâng công suất Nhà máy chế biến gỗ với quy mô từ 2.800 m³ sản phẩm/năm lên 16.000 m³ sản phẩm/năm” do Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Gỗ Trường Xuân làm Chủ đầu tư.

Điều 5. Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành: Ban Quản lý Khu kinh tế, Sở Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND thành phố Đồng Xoài, Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Gỗ Trường Xuân và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch;
- UBND xã Tiến Hưng;
- Công ty CP ĐT KDN Bình Phước;
- LĐVP, P.KT;
- Lưu: VT (NN-12KKT_{03/10}).

CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Huỳnh Anh Minh

PHỤ LỤC

Các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án “Nhà máy chế biến gỗ công suất 16.000 m³/năm; bổ sung dây chuyền sản xuất gỗ ghép công suất 30.000 m³/năm; dây chuyền sản xuất bán thành phẩm trang trí nội thất công suất 50.000 sản phẩm/năm” do Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Gỗ Trường Xuân làm Chủ đầu tư tại lô 52, 53, cụm B2, KCN Đồng Xoài III, xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

(Kèm theo Quyết định số: 1882 /QĐ-UBND ngày 04/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

1. Thông tin về Dự án:

1.1. Tên Dự án: Nhà máy chế biến gỗ công suất 16.000 m³/năm; bổ sung dây chuyền sản xuất gỗ ghép công suất 30.000 m³/năm; dây chuyền sản xuất bán thành phẩm trang trí nội thất công suất 50.000 sản phẩm/năm.

1.2. Địa điểm thực hiện: Lô 52, lô 53 (thuộc cụm B2), KCN Đồng Xoài III, xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước, Việt Nam.

1.3. Chủ đầu tư: Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Gỗ Trường Xuân.

Địa chỉ liên hệ: Lô 52, lô 53 (thuộc cụm B2), KCN Đồng Xoài III, xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước, Việt Nam.

1.4. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

Dự án “Nhà máy chế biến gỗ công suất 16.000 m³/năm; bổ sung dây chuyền sản xuất gỗ ghép công suất 30.000 m³/năm; dây chuyền sản xuất bán thành phẩm trang trí nội thất công suất 50.000 sản phẩm/năm” được thực hiện trên diện tích 19.625,8 m² tại lô 52, lô 53 (thuộc cụm B2), KCN Đồng Xoài III, xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước, Việt Nam, bao gồm các hạng mục:

- Công trình chính: Nhà văn phòng; mái che 1; mái che 2; nhà xưởng 1; nhà xưởng 2; nhà xưởng 3; kho chứa hóa chất 1; kho hóa chất 2; mái che gỗ tươi; nhà kho vật tư; nhà bảo vệ; trạm điện 1; trạm điện 2; bể nước PCCC 1; nhà xe và bể nước PCCC 2; trạm cân.

- Công trình bảo vệ môi trường: Bể tự hoại; kho chứa chất thải sinh hoạt; kho chứa chất thải công nghiệp không nguy hại; kho chứa chất thải nguy hại; hệ thống xử lý nước thải; hệ thống xử lý khí thải lò hơi 4,5 tấn/giờ; hệ thống xử lý bụi gỗ từ công đoạn cắt, bào, đánh mộng của quá trình sản xuất gỗ ghép; hệ thống xử lý bụi gỗ từ công đoạn cắt, khoan, tạo hình của quá trình sản xuất bán thành phẩm trang trí nội thất; hệ thống xử lý bụi gỗ từ công đoạn chà nhám của quá trình sản xuất gỗ ghép.

- Đường giao thông nội bộ và sân.

- Cây xanh.

- Các công trình phụ trợ khác.

1.5. Công nghệ sản xuất của Dự án:

- Quy trình công nghệ chế biến gỗ: Gỗ nguyên liệu → Xẻ tấm → Xẻ thanh → Ngâm tấm → Sấy gỗ → Sắp thành kiện → Nhập kho.

- Quy trình công nghệ sản xuất gỗ ghép: Thanh gỗ → Cắt thanh gỗ → Bào 4 mặt → Đánh mộng, quét keo → Ghép thanh (dọc) → Bào cạnh → Ghép cao tần (ngang) → Chà nhám → Cắt đầu → Xuất hàng.

- Quy trình công nghệ sản xuất bán thành phẩm trang trí nội thất: Gỗ ghép bán thành phẩm → Cắt → Tạo hành → Khoan → Lắp ráp → Kiểm tra → Thành phẩm.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án:

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án:

- *Tác động trong giai đoạn triển khai xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và hoạt động hiện hữu:* Gồm: Bụi san nền, bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển máy móc thiết bị; khí thải từ quá trình sơn, hàn khi lắp đặt máy móc thiết bị; nước mưa chảy tràn; nước thải xây dựng; nước thải sinh hoạt; chất thải rắn sinh hoạt; chất thải rắn từ quá trình xây dựng và lắp đặt máy móc thiết bị; chất thải nguy hại; toàn bộ tác động khi nhà máy hoạt động sản xuất với công suất hiện hữu.

- *Tác động trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:* Gồm; Bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển ra vào nhà máy; bụi, khí thải từ quá trình sản xuất; nước mưa chảy tràn; nước thải sinh hoạt; nước thải sản xuất; chất thải rắn sinh hoạt; chất thải rắn sản xuất không nguy hại; chất thải nguy hại.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

2.2.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và hoạt động hiện hữu của Dự án:

- *Nước thải sinh hoạt:* Lưu lượng khoảng 8,1 m³/ngày. Nước thải chủ yếu chứa các thành phần ô nhiễm gồm: pH, BOD₅ (20°C), tổng chất rắn lơ lửng (TSS), amoni, sunfua, dầu mỡ động, thực vật, tổng nitơ, tổng photpho, tổng coliforms,...

- *Nước thải xây dựng:* Gồm: Nước rửa máy móc, thiết bị, dụng cụ phục vụ thi công... với lưu lượng phát sinh khoảng 0,27 m³/ngày. Thành phần chính trong nước thải xây dựng chứa chủ yếu là bùn, đất cát, xi măng, dầu mỡ.

- *Nước thải sản xuất hiện hữu:* Lưu lượng phát sinh khoảng 0,55 m³/ngày, gồm: nước xả đáy lò hơi và nước thải từ quá trình xử lý khí thải lò hơi. Thành phần chủ yếu là độ màu, TSS, BOD₅, COD, tổng N, tổng P... Ngoài ra, quá trình ngâm tấm không phát sinh nước thải. Nước từ quá trình ngâm tấm được tuần hoàn tái sử dụng hoàn toàn và không thải ra ngoài môi trường, định kỳ châm nước và hóa chất bổ sung.

2.2.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Nước thải sinh hoạt:* Phát sinh khoảng 13,5 m³/ngày, thành phần: BOD₅ (20°C), COD, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), amoni, dầu mỡ động, thực vật, tổng nitơ, tổng photpho, tổng coliforms...

- *Nước thải sản xuất*: Lưu lượng phát sinh khoảng 3,5 m³/ngày, gồm nước xả đáy lò hơi, nước thải từ quá trình xử lý khí thải lò hơi và nước thải từ quá trình rửa máy móc thiết bị dính keo. Thành phần chủ yếu là độ màu, TSS, BOD₅, COD, tổng N, tổng P... Ngoài ra, quá trình ngâm tẩm không phát sinh nước thải. Nước từ quá trình ngâm tẩm được tuần hoàn tái sử dụng hoàn toàn và không thải ra ngoài môi trường, định kỳ châm nước và hóa chất bổ sung.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

2.3.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng và lắp đặt máy móc thiết bị và hoạt động hiện hữu của Dự án:

- *Bụi từ quá trình đào hố móng*: Phát sinh chủ yếu là bụi thô, có kích thước lớn.

- *Bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển nguyên, vật liệu, thiết bị*: Thành phần khí thải bao gồm: Bụi, NO_x, CO, THC...

- *Khí thải từ quá trình sơn, hàn khi lắp đặt máy móc thiết bị*: Quá trình hàn phát sinh chủ yếu là bụi và hơi kim loại.

- *Bụi và khí thải từ quá trình sản xuất hiện hữu của nhà máy*: Bụi phát sinh từ quá trình bóc xếp, tập kết lưu giữ nguyên liệu, sản phẩm, nhiên liệu, chất thải; bụi từ quá trình chế biến gỗ; khí thải phát sinh từ lò hơi với thành phần chủ yếu là bụi, SO₂, NO_x, CO; các tác động từ quá trình ngâm tẩm gỗ...

2.3.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Khí thải từ các phương tiện vận chuyển ra vào nhà máy*: Thành phần khí thải bao gồm: Bụi, NO_x, CO, HC, THC...

- *Bụi phát sinh từ quá trình sản xuất*: Thành phần khí thải chủ yếu là bụi.

- *Khí thải phát sinh từ lò hơi*: Thành phần khí thải chủ yếu là bụi, SO₂, NO_x, CO...

- *Các tác động từ quá trình ngâm tẩm, sấy gỗ và khu vực sử dụng keo sữa*.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.4.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và hoạt động hiện hữu của Dự án:

- *Chất thải rắn từ quá trình xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị*: Phát sinh khoảng 77,94 tấn trong suốt quá trình thi công xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị, chủ yếu là pallet thải, sắt thép vụn, vật liệu xây dựng thải, bao bì đựng vật liệu...

Ngoài ra, trong giai đoạn sản xuất hiện hữu của Dự án còn phát sinh khoảng 164.563 kg/tháng pallet thải, giấy vụn phòng, bao bì thừa, tro, xỉ than, gỗ vụn, mùn cưa, dầu mẩu từ quá trình sản xuất; khoảng 608,799 kg/tháng khối lượng mùn cưa, phoi bào, đầu mẩu, gỗ thừa,... đã qua ngâm tẩm (trường hợp kết quả phân định là chất thải rắn thông thường).

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Phát sinh khoảng 93,6 kg/ngày, thành phần gồm: Rau, vỏ hoa quả, giấy, vỏ đồ hộp... Chất thải sinh hoạt có chứa 60% – 70% chất hữu cơ và 30% – 40% các chất khác.

2.4.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Chất thải rắn công nghiệp thông thường*: Phát sinh khoảng 1.647,2 tấn/tháng, thành phần gồm: Pallet thải, giấy vụn, gỗ vụn, mùn cưa, đầu mẩu từ quá trình sản xuất, giấy nhám, đinh, tro, xỉ than...; khoảng 6.125 kg/tháng khối lượng mùn cưa, phoi bào, đầu mẩu, gỗ thừa, gỗ dán vụn thải,... đã qua ngâm tẩm, chứa keo (trường hợp kết quả phân định là chất thải rắn thông thường).

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Phát sinh khoảng 156 kg/ngày, gồm: Bao bì, vỏ lon đựng nước giải khát, hộp đựng thức ăn, thức ăn thừa...

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

2.5.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng, lắp đặt máy móc, thiết bị và hoạt động hiện hữu:

- *Chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình xây dựng, lắp đặt máy móc, thiết bị*: Phát sinh khoảng 29 kg/tháng, bao gồm: Giẻ lau dính dầu, thùng chứa dầu bôi trơn, que hàn thải...

Ngoài ra, trong giai đoạn sản xuất hiện hữu của Dự án còn phát sinh khoảng 391,85 kg/tháng thành phần gồm: Bóng đèn huỳnh quang thải; giẻ lau, vải bảo vệ, bao tay nhiễm các thành phần nguy hại; dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải; pin, ắc quy thải; bao bì mềm thải có dính thành phần nguy hại; bao bì cứng thải bằng kim loại; bao bì cứng thải bằng nhựa; cặn thải từ quá trình ngâm tẩm gỗ; bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải, khí thải...; khoảng 608,799 kg/tháng khối lượng mùn cưa, phoi bào, đầu mẩu, gỗ thừa... đã qua ngâm tẩm (trường hợp kết quả phân định là chất thải nguy hại).

2.5.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

Khối lượng phát sinh khoảng 1.192,2 kg/tháng gồm: Bóng đèn huỳnh quang thải; giẻ lau, vải bảo vệ, bao tay nhiễm các thành phần nguy hại; dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải; pin, ắc quy thải; bao bì mềm thải có dính thành phần nguy hại; cặn thải từ quá trình ngâm tẩm gỗ; than hoạt tính đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải; bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải, khí thải...; khoảng 6.125 kg/tháng khối lượng mùn cưa, phoi bào, đầu mẩu, gỗ thừa... đã qua ngâm tẩm, chứa keo (trường hợp kết quả phân định là chất thải nguy hại).

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án:

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

3.1.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng, lắp đặt máy móc, thiết bị và hoạt động hiện hữu:

- *Biện pháp giảm thiểu nước thải sinh hoạt*: Nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý bằng bể tự hoại 5 ngăn. Nước thải sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Đồng Xoài III.

- *Biện pháp giảm thiểu nước thải sản xuất:* Nước thải từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi, nước xả đáy lò hơi được thu gom, xử lý sơ bộ trước khi tuần hoàn tái sử dụng phục vụ cho hệ thống xử lý khí thải lò hơi.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng:* Bố trí hệ thống mương thu gom nước thải tạm thời xung quanh khu vực xây dựng; không để rơi vãi nhiên liệu, dầu nhớt, hóa chất và phụ gia xây dựng ra ngoài môi trường; tái sử dụng nước thải xây dựng phục vụ quá trình thi công, không xả ra ngoài môi trường.

- *Yêu cầu bảo vệ môi trường:* Nước thải sinh hoạt phải được thu gom và xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Đồng Xoài III. Nước thải sản xuất được tái sử dụng cho hệ thống xử lý khí thải lò hơi, không xả ra ngoài môi trường. Nước thải xây dựng được tái sử dụng phục vụ quá trình thi công, không thải ra ngoài môi trường.

3.1.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu nước thải (sinh hoạt và sản xuất):*

+ Nước thải sinh hoạt (sau xử lý bằng bể tự hoại) (1).

+ Nước thải sản xuất → Bể gom nước thải sản xuất → Bể keo tụ, tạo bông → Bể lắng hóa lý (2).

(1) + (2) → Bể điều hòa → Bể anoxic → Bể aerotank → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Đồng Xoài III.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ quá trình hoạt động của Dự án đạt tiêu chuẩn tiếp nhận đầu vào của KCN Đồng Xoài III (cột B QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp) trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Đồng Xoài III.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

3.2.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị và hoạt động hiện hữu:

- *Bụi từ quá trình đào hố móng và san nền:* Che chắn khu vực xây dựng; áp dụng các biện pháp thi công tiên tiến; trang bị các trang thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân xây dựng...

- *Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm không khí do hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên, vật liệu, thiết bị:* Tất cả các phương tiện vận chuyển phải đạt Tiêu chuẩn Việt Nam về an toàn kỹ thuật và môi trường; bố trí tuyến đường vận chuyển hợp lý; thường xuyên kiểm tra, bảo trì các phương tiện vận chuyển, máy móc, thiết bị...

- *Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm khí thải từ quá trình sơn, hàn công trình lắp đặt máy móc thiết bị:* Công nhân được tập huấn về kỹ thuật và an toàn khi thi công;

trang bị bảo hộ lao động cho công nhân như: quần áo bảo hộ, khẩu trang, kính, mũ, găng tay...

- *Biện pháp giảm thiểu khí thải từ các phương tiện vận tải ra vào nhà máy trong quá trình sản xuất hiện hữu:* Kiểm tra kỹ thuật, bảo dưỡng xe định kỳ; hệ thống giao thông nội bộ được bê tông hóa; bố trí bãi đỗ xe hợp lý cho công nhân...

- *Biện pháp giảm thiểu khí thải lò hơi công suất 4,5 tấn/giờ:* Khí thải → Cyclone → Tháp hấp thụ → Quạt hút → Ống thoát.

- *Biện pháp giảm thiểu các tác động từ quá trình ngâm tẩm, sấy gỗ:* Trang bị thiết bị bảo hộ lao động đầy đủ cho công nhân làm việc; bố trí quạt hút công nghiệp có lắp tấm lọc than hoạt tính để lọc không khí ở khu vực ngâm tẩm...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ quá trình sản xuất của Dự án đạt cột B của QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ ($k_p = 1,0$; $k_v = 1,0$) và QCVN 20:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ. Môi trường không khí đạt các quy định tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.2.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu khí thải từ các phương tiện vận tải ra vào nhà máy:* Kiểm tra kỹ thuật, bảo dưỡng xe định kỳ; hệ thống giao thông nội bộ được bê tông hóa; bố trí bãi đỗ xe hợp lý cho công nhân...

- *Biện pháp giảm thiểu khí thải lò hơi công suất 4,5 tấn/giờ:* Bụi, khí thải → Cyclone → Tháp hấp thụ → Quạt hút → Ống thoát.

- *Biện pháp giảm thiểu bụi từ công đoạn cắt, bào và đánh mòng của quá trình sản xuất gỗ ghép:* Lắp đặt hệ thống xử lý bụi với quy trình như sau: Bụi gỗ → Ống hút → Cyclone → Quạt hút → Ống thoát.

- *Biện pháp giảm thiểu bụi từ chà nhám của quá trình sản xuất gỗ ghép:* Lắp đặt hệ thống xử lý bụi với quy trình như sau: Bụi → Ống hút → Thiết bị lọc bụi túi vải → Quạt hút → Ống thoát.

- *Biện pháp giảm thiểu bụi từ công đoạn cắt, khoan và tạo hình của quá trình sản xuất bán thành phẩm trang trí nội thất:* Lắp đặt hệ thống xử lý bụi với quy trình như sau: Bụi → Ống hút → Cyclone → Quạt hút → Ống thoát.

- *Biện pháp giảm thiểu các tác động từ quá trình ngâm tẩm, sấy gỗ:* Trang bị thiết bị bảo hộ lao động đầy đủ cho công nhân làm việc tại khu vực; bố trí quạt hút công nghiệp có lắp tấm lọc than hoạt tính để lọc không khí ở khu vực ngâm tẩm...

- *Biện pháp giảm thiểu các tác động từ quá trình sử dụng keo sữa:* Trang bị thiết bị bảo hộ lao động đầy đủ cho công nhân làm việc; bố trí nhà xưởng thông thoáng, lắp đặt thông gió nhà xưởng...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ quá trình sản xuất của Dự án đạt cột B của QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi (kp = 0,9; kv = 1,0). Môi trường không khí khu vực sản xuất đạt các quy định tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp thông thường:

3.3.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng, lắp đặt máy móc, thiết bị và hoạt động hiện hữu:

- *Chất thải rắn sinh hoạt:* Bố trí các thùng rác chuyên dụng (bằng nhựa, có nắp đậy), dung tích 90 đến 240 lít, đặt trong khu vực thi công, văn phòng, khu vực nhà xưởng đảm bảo thu gom triệt để chất thải sinh hoạt phát sinh, sau đó lưu chứa vào kho chứa chất thải rắn sinh hoạt hiện hữu có diện tích khoảng 15 m². Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- *Chất thải rắn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị:* Thu gom toàn bộ chất thải rắn trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị lưu chứa vào khu vực chứa chất thải rắn xây dựng với diện tích 15 m²; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- *Chất thải rắn công nghiệp thông thường trong quá trình hoạt động hiện hữu:* Thu gom, phân loại toàn bộ chất thải rắn công nghiệp thông thường lưu giữ vào trong kho chứa chất thải rắn thông thường với diện tích 15 m². Ngoài ra, Công ty bố trí khu vực lưu chứa gỗ vụn, mùn cưa tại khu vực mái che gỗ tươi có diện tích khoảng 100 m² đảm bảo theo quy định. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Quản lý các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo các quy định của pháp luật hiện hành.

3.3.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Chất thải rắn sinh hoạt:* Bố trí các thùng rác chuyên dụng (bằng nhựa, có nắp đậy), dung tích 90 đến 240 lít, đặt trong khu vực văn phòng, khu vực nhà xưởng đảm bảo thu gom triệt để chất thải sinh hoạt phát sinh, sau đó lưu chứa vào kho chứa chất thải rắn sinh hoạt hiện hữu có diện tích khoảng 15 m². Hợp đồng với

đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- *Chất thải rắn công nghiệp thông thường*: Thu gom, phân loại toàn bộ chất thải rắn công nghiệp thông thường lưu giữ vào trong kho chứa chất thải rắn thông thường với diện tích 15 m². Ngoài ra, Công ty bố trí khu vực lưu chứa gỗ vụn, mùn cưa... tại khu vực mái che gỗ tươi có diện tích khoảng 100 m² đảm bảo theo quy định. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Quản lý các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo các quy định của pháp luật hiện hành.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

3.4.1. Trong giai đoạn triển xây dựng, lắp đặt máy móc, thiết bị và hoạt động hiện hữu:

- *Chất thải nguy hại*: Phân loại, lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại trong các thùng chứa chất thải nguy hại chuyên dụng. Các thùng chứa chất thải nguy hại được đặt tại khu vực tập kết chất thải nguy hại tạm thời có diện tích khoảng 10 m². Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- *Chất thải nguy hại từ quá trình sản xuất hiện hữu*: Phân loại, lưu giữ chất thải nguy hại trong các thùng chứa chất thải nguy hại chuyên dụng đặt trong kho chứa chất thải nguy hại với diện tích 30 m². Kho chứa có nền gạch chống thấm, mái che, tường bao, có gờ, rãnh, rôn thu gom chất thải nguy hại dạng lỏng trong trường hợp tràn đổ, có đầy đủ các phương tiện PCCC và có dán nhãn chất thải nguy hại... theo đúng quy định. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Quản lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo các quy định hiện hành.

3.4.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Chất thải nguy hại*: Phân loại, lưu giữ chất thải nguy hại trong các thùng chứa chất thải nguy hại chuyên dụng đặt trong kho chứa chất thải nguy hại với diện tích 30 m². Kho chứa có nền gạch chống thấm, mái che, tường bao, có gờ, rãnh, rôn thu gom chất thải nguy hại dạng lỏng trong trường hợp tràn đổ, có đầy đủ các phương tiện PCCC và có dán nhãn chất thải nguy hại... theo đúng quy định. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Quản lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo các quy định hiện hành.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

3.5.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng, lắp đặt máy móc, thiết bị và hoạt động hiện hữu:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn và độ rung:* Tất cả các phương tiện vận chuyển và máy móc thiết bị phục vụ Dự án phải đạt Tiêu chuẩn Việt Nam về an toàn kỹ thuật và môi trường; không thi công vào các giờ cao điểm để tránh gây ảnh hưởng đến khu vực xung quanh; lắp đặt bộ phận giảm tiếng ồn cho những thiết bị máy móc có mức ồn cao; kiểm tra và bảo dưỡng các máy móc, thiết bị; bố trí các máy móc thiết bị trong dây chuyền sản xuất một cách hợp lý; lắp đặt các đệm cao su tại chân máy để khi hoạt động tránh va chạm, giảm thiểu tiếng ồn và độ rung; trồng, duy trì, chăm sóc cây xanh xung quanh nhà máy để giảm thiểu bụi, tiếng ồn phát sinh từ hoạt động sản xuất tới môi trường xung quanh; trang bị các thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nhiệt dư:* Bố trí hệ thống thông gió và quạt hút tạo điều kiện cho quá trình trao đổi khí tự nhiên giữa khu vực xưởng và bên ngoài nhà máy; thường xuyên bảo dưỡng trang thiết bị; trồng, duy trì, chăm sóc cây xanh để điều hòa vi khí hậu và tạo cảnh quan cho khu vực nhà máy...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu tại nơi làm việc; QCVN 27:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung - Giá trị tại nơi làm việc; Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong giai đoạn xây dựng, lắp đặt máy móc, thiết bị và hoạt động hiện hữu của Dự án.

3.5.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn và độ rung:* Tất cả các phương tiện vận chuyển và máy móc thiết bị phục vụ Dự án phải đạt Tiêu chuẩn Việt Nam về an toàn kỹ thuật và môi trường; lắp đặt bộ phận giảm tiếng ồn cho những thiết bị máy móc có mức ồn cao; kiểm tra và bảo dưỡng các máy móc, thiết bị; bố trí các máy móc thiết bị trong dây chuyền sản xuất một cách hợp lý; lắp đặt các đệm cao su tại chân máy để khi hoạt động tránh va chạm, giảm thiểu tiếng ồn và độ rung; trồng, duy trì, chăm sóc cây xanh xung quanh nhà máy để giảm thiểu bụi, tiếng ồn phát sinh từ hoạt động sản xuất tới môi trường xung quanh; trang bị các thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nhiệt dư:* Bố trí hệ thống thông gió và quạt hút tạo điều kiện cho quá trình trao đổi khí tự nhiên giữa khu vực xưởng và bên ngoài nhà máy; thường xuyên bảo dưỡng trang thiết bị; trồng, duy trì, chăm sóc cây xanh đảm bảo diện tích theo quy định để điều hòa vi khí hậu và tạo cảnh quan cho khu vực nhà máy...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu tại nơi làm việc; QCVN 27:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung - Giá trị tại nơi làm việc; Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong giai đoạn vận hành của Dự án.

3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

3.6.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị:

Thực hiện các biện pháp để phòng ngừa, ứng phó tai nạn lao động, tai nạn giao thông, các sự cố về cháy nổ, an toàn hóa chất, sự cố các công trình bảo vệ môi trường... theo đúng nội dung trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án và tuân thủ các quy định hiện hành.

3.6.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

Áp dụng đầy đủ các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đã đề xuất trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về phòng chống cháy nổ, ứng cứu sự cố, rủi ro và các quy định khác của pháp luật trong toàn bộ hoạt động của Dự án. Trường hợp xảy ra sự cố ảnh hưởng đến môi trường và sức khỏe cộng đồng, Chủ Dự án phải chủ động tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố và khẩn trương báo cáo cho các cơ quan thẩm quyền để giải quyết sự cố theo quy định.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án:

- Hệ thống thu gom, thoát nước mưa, nước thải.
- Bể tự hoại 05 ngăn: 03 bể tự hoại, tổng dung tích là 51 m³.
- Kho lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, diện tích khoảng 15 m².
- Kho lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường, diện tích khoảng 15 m². Khu vực chứa mùn cưa, gỗ vụn, phoi bào... với diện tích khoảng 100 m².
- Kho lưu giữ chất thải nguy hại, diện tích khoảng 30 m².
- Hệ thống xử lý khí thải lò hơi 4,5 tấn/giờ (số lượng: 01 hệ thống; công suất thiết kế quạt hút: 7.600 m³/giờ).
- Hệ thống xử lý bụi từ công đoạn cắt, bào và đánh mòng của quá trình sản xuất gỗ ghép (số lượng: 02 hệ thống; công suất thiết kế quạt hút: 11.000 m³/giờ/hệ thống).
- Hệ thống xử lý bụi từ công đoạn chà nhám của quá trình sản xuất gỗ ghép (số lượng: 02 hệ thống; công suất thiết kế quạt hút: 2.200 m³/giờ/hệ thống).
- Hệ thống xử lý bụi từ công đoạn cắt, khoan và tạo hình của quá trình sản xuất bán thành phẩm trang trí nội thất (số lượng: 01 hệ thống; công suất thiết kế: 4.500 m³/giờ).

- Hệ thống xử lý nước thải (số lượng: 01 hệ thống; công suất thiết kế: 20 m³/ngày đêm).

- Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.
- Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án:

5.1. Giai đoạn triển khai xây dựng Dự án, lắp đặt máy móc, thiết bị và hoạt động hiện hữu:

5.1.1. Giám sát không khí khu vực thi công:

- *Vị trí giám sát:* 01 vị trí tại khu vực xây dựng:
- *Thông số giám sát:* Vi khí hậu, tiếng ồn, bụi, NO₂, CO, SO₂.
- *Tần suất giám sát:* 1 lần trong quá trình thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị.

- *Quy chuẩn so sánh/Quy định áp dụng:* QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 26:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc; QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định của pháp luật hiện hành.

5.1.2. Giám sát không khí khu vực sản xuất hiện hữu:

- *Vị trí giám sát:* 02 vị trí (khu vực cắt, xẻ gỗ; khu vực ngâm tẩm gỗ).
- *Thông số giám sát:* Vi khí hậu, tiếng ồn, ánh sáng, bụi, SO₂, NO₂, CO.
- *Tần suất giám sát:* 6 tháng/lần.
- *Quy chuẩn so sánh/Quy định áp dụng:* QCVN 22:2016/BYT, QCVN 24:2016/BYT, QCVN 26:2016/BYT, QCVN 02:2019/BYT, QCVN 03:2019/BYT, Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT và các quy định của pháp luật hiện hành.

5.1.3. Giám sát khí thải hiện hữu:

- *Vị trí giám sát:* 01 vị trí tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải lò hơi công suất 4,5 tấn hơi/giờ.
- *Thông số giám sát:* Lưu lượng, bụi, nhiệt độ, SO₂, NO_x, CO.
- *Tần suất giám sát:* 3 tháng/lần.
- *Quy chuẩn so sánh/Quy định áp dụng:* QCVN 19:2009/BTNMT, cột B (kp = 1,0; kv = 1,0).

5.1.4. Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

- *Vị trí giám sát:* Khu vực lưu giữ chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.

- *Thông số giám sát:* Khối lượng, thành phần, chứng từ giao nhận.
- *Tần suất giám sát:* Thường xuyên.
- *Quy định áp dụng:* Theo quy định hiện hành.

5.2. Giai đoạn vận hành thử nghiệm:

Chủ dự án có trách nhiệm vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo các quy định của pháp luật.

5.3. Giai đoạn vận hành thương mại:

5.3.1. Giám sát môi trường không khí khu vực sản xuất:

- *Vị trí giám sát:* 06 vị trí (khu vực cắt, xẻ gỗ; khu vực cắt, bào và đánh mộng của quá trình sản xuất gỗ ghép; khu vực chà nhám của quá trình sản xuất gỗ ghép; khu vực cắt, khoan và tạo hình của quá trình sản xuất bán thành phẩm trang trí nội thất; khu vực ngâm tẩm gỗ; khu vực sử dụng keo).

- *Thông số giám sát:* Vi khí hậu, tiếng ồn, ánh sáng, Bụi, SO₂, NO₂, CO, VOC.

- *Tần suất giám sát:* 06 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh/Quy định áp dụng:* QCVN 22:2016/BYT, QCVN 24:2016/BYT, QCVN 26:2016/BYT, QCVN 02:2019/BYT, QCVN 03:2019/BYT, Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT và các quy định hiện hành.

5.3.2. Giám sát khí thải:

- *Vị trí và thông số giám sát:* 06 vị trí.

+ 01 vị trí tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải lò hơi công suất 4,5 tấn hơi/giờ. Thông số giám sát: Lưu lượng, bụi, nhiệt độ, SO₂, NO_x, CO.

+ 02 vị trí tại 02 ống thoát của hệ thống xử lý bụi từ công đoạn cắt, bào và đánh mộng của quá trình sản xuất gỗ ghép. Thông số giám sát: Lưu lượng, bụi.

+ 02 vị trí tại 02 ống thoát khí của hệ thống xử lý bụi từ công đoạn chà nhám của quá trình sản xuất gỗ ghép. Thông số giám sát: Lưu lượng, bụi.

+ 01 vị trí tại 01 ống thoát của hệ thống xử lý bụi từ công đoạn cắt, khoan và tạo hình của quá trình sản xuất bán thành phẩm trang trí nội thất. Thông số giám sát: Lưu lượng, bụi.

- *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 19:2009/BTNMT, cột B (kp = 0,9; kv = 1,0).

5.3.3. Giám sát nước thải:

- *Vị trí giám sát:* 01 vị trí tại đầu vào của hệ thống xử lý nước thải; 01 vị trí tại hố ga đầu nối với KCN Đồng Xoài III.

- *Thông số giám sát:* Lưu lượng, pH, TSS, COD, BOD₅, Tổng N, Tổng P, Tổng dầu mỡ động thực vật và Coliform.

- *Tần suất giám sát*: 03 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh*: Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCN Đồng Xoài III - QCVN 40:2011/BTNMT - cột B.

5.3.4. Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

- *Vị trí giám sát*: Khu vực lưu giữ chất thải rắn chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.

- *Thông số giám sát*: Khối lượng, thành phần, chứng từ giao nhận.

- *Tần suất giám sát*: Thường xuyên.

- *Quy định áp dụng*: Theo quy định hiện hành.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:

Các yêu cầu đối với Chủ Dự án:

6.1. Tuân thủ các quy định hiện hành về bảo vệ môi trường khu công nghiệp.

6.2. Tuân thủ các quy định về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định hiện hành.

6.3. Tuân thủ các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, an toàn lao động trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành.

6.4. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy, nổ đối với cán bộ, công nhân viên làm việc cho Dự án.

6.5. Thực hiện việc đăng ký, công bố chất lượng các loại sản phẩm của Dự án trước khi thương mại hóa theo các quy định của pháp luật hiện hành (nếu có).

6.6. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

6.7. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường khi Dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật.

6.8. Thực hiện các thủ tục về môi trường và nội dung bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật hiện hành./.